

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/DSST
Ngày: 20-6-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.
2. Bà Trần Xuân Đạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỳ - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-DSST ngày 08 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1966 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 01, khu phố Ninh Thạnh, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1952 (vắng mặt không có lý do)
Địa chỉ: Số nhà 24, đường Tôn Đức Thắng, khu phố Ninh Thịnh, Thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.
3. *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1959 (vắng mặt không có lý do)
Địa chỉ: Số nhà 122 Lê Lợi, khu phố Ninh Thành, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2016, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Trước ngày 15/7/2016, bà Trịnh Thị N cho ông Nguyễn Văn B vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), khi cho vay các bên không làm giấy tờ, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 05 đến 06 ngày sau, không thỏa thuận lãi suất. Do ông B chưa trả tiền nên đến ngày 15/7/2016, bà N nhờ bà Phạm Thị Y viết giấy biên nhận cầm đồ, bà N và ông B thỏa thuận: Bà N cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 205799 và BH 205796 cùng mang tên ông Huỳnh Văn C, bà Đặng Thị

D từ ông B để làm tin. Ông B hẹn đến ngày 01/8/2016 sẽ trả số tiền trên. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N đã trả cho ông Cường, bà Danh. Đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng ông B vẫn chưa trả số tiền vay cho bà Nhân. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B trả số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông B trả số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà N không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Vào trước ngày 15/7/2016, ông có vay của bà Trịnh Thị N số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để giải quyết công việc cá nhân. Khi vay không làm giấy tờ và cũng không có thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 15/7/2016, ông B và bà N có nhờ bà Phạm Thị Y viết giấy biên nhận cầm đồ, thỏa thuận: ông B giao cho bà N 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Huỳnh Văn C, bà Đặng Thị D để làm tin, ông B hẹn đến ngày 01/8/2016 sẽ trả số tiền trên. Nay mặc dù đã quá thời hạn trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông B xin bà N gia hạn thời gian trả nợ, ông B sẽ trả số tiền vay trên trước ngày 30/7/2017.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2017, người làm chứng Phạm Thị Y trình bày: Bà biết bà N có cho ông B vay tiền vì bà là người giới thiệu ông B đến gặp bà N để vay tiền. Bà N cho ông B vay tiền trước ngày 15/7/2016 khoảng 07 ngày, thỏa thuận bà N cho ông B vay 30.000.00đ hẹn 05 đến 06 ngày sau sẽ trả, khi cho vay và giao nhận tiền các bên không có làm biên nhận, tuy nhiên đến hạn ông B không trả. Do đó, đến ngày 15/7/2016, bà có viết biên nhận cầm đồ cho bà N và ông B để thỏa thuận: Bà N cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải đứng tên ông B để làm tin, hẹn trả số tiền 30.000.000đ vào ngày 01/8/2016. Bà N cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B là để làm tin, còn thực chất trước đó là bà N cho ông B vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), nhưng ông B chưa trả.

Giấy biên nhận cầm đồ là do bà viết tại nhà của bà. Chữ ký và chữ viết phần người nhận tiền là của ông Nguyễn Văn B, chữ ký phần người viết biên nhận là của bà Nhân, chữ viết và chữ ký phần người làm chứng là của bà.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn và người làm chứng là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 256, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn B trả cho bà N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228; khoản 3 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng.

[2] Xét yêu cầu của Bà Trịnh Thị N:

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2017, ông Nguyễn Văn B thừa nhận trước ngày 15/7/2016 có vay của bà N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 01/8/2016 và đến nay ông B chưa trả số tiền vay cho bà N. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Cần buộc ông Nguyễn Văn B trả cho bà N số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[3] Đối với việc bà N cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 205799 và BH 205796 cùng mang tên ông Huỳnh Văn C, bà Đặng Thị D từ ông Bình, nhận thấy: Mục đích bà N cầm 02 giấy chứng nhận là chỉ để làm tin, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Cường, bà Danh; ông Cường, bà Danh không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với việc bà N cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của ông, bà. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N. Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho bà N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*.

Do đó, ông Nguyễn Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền phải chịu là: $30.000.000đ \times 5\% = 1.500.000đ$.

Bà Trịnh Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228; khoản 3 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn B trả cho bà Trịnh Thị N số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trịnh Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà Trịnh Thị N số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0014527 ngày 08 tháng 3 năm 2017.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh B Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THADS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh